



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG¹

1. Tên trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài):

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN
- Tên tiếng Anh: VNU, ULIS.

2. Địa chỉ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử của Trường ĐHNN, ĐHQGHN:

- Địa chỉ: Số 02 đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Email: dhnn@vnu.edu.vn
- Website: <https://ulis.vnu.edu.vn/>
- Điện thoại: 024.375.47.269

3. Loại hình của nhà trường, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp:

- Loại hình hoạt động: công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Đại học Quốc gia Hà Nội

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

Sứ mệnh

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN đóng góp vào sự phát triển và hội nhập, xây dựng và bảo vệ đất nước thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, thực hiện đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội theo chuẩn quốc tế về các lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ, ngôn ngữ học, quốc tế học và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn có liên quan.

Tầm nhìn 2045

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN trở thành một trường đại học hàng đầu, có uy tín cao trong nước, trong khu vực và trên thế giới trong các lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ, ngôn ngữ học, quốc tế học và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn có liên quan.

Giá trị cốt lõi

Đổi mới sáng tạo, trách nhiệm quốc gia, phát triển bền vững

Khẩu hiệu hành động

Cùng nhau kiến tạo cơ hội! (*Creating Opportunities Together!*)

Triết lý giáo dục

Kiến tạo xã hội, phát triển toàn diện, tự chủ, khai phóng, năng động, sáng tạo!

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Thành lập năm 1955, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHNN, ĐHQGHN) là một trong những trường đại học lâu đời nhất ở Việt Nam. Trải qua 70 năm xây dựng và trưởng thành, Trường đã có bề dày truyền thống, kinh nghiệm, có nhiều đóng góp giá trị trong đào tạo, nghiên cứu giáo dục ngoại ngữ, ngôn ngữ học và quốc tế học tại Việt Nam. Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế tri thức thời đại công nghệ 4.0, Trường cần có chiến lược mới với những giải pháp mới nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao, trình độ cao của đất nước, khu vực, châu lục và thế giới. Vì vậy, Chiến lược này được xây dựng trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường ĐHNN, ĐHQGHN đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã được phê duyệt và căn cứ vào Chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2045 và Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025, phù hợp với tình hình mới, nhận thức mới, tiếp tục định hướng cho sự phát triển lâu dài, bền vững của Trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử:

- Họ và tên: Nguyễn Xuân Long

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: số 02 đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội

- Email: dhnn@vnu.edu.vn

- Điện thoại: 024.375.47.269

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian²

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo ³ (Năm 2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo ⁴ (Năm 2024)
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên		17.7%
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	100%	62.2%
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	35.1%	33.9%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo⁵

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	476	13	296	167	11	1

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁶

TT	Chỉ số	Năm báo cáo (2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2024)
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	14	18 người
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	157	153 người
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	35.9%	35.6%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁷

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2024)
1	Diện tích đất/người học (m2)	2,76	2,76
2	Diện tích sàn/người học (m2)	2,5	2,5
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	6,4	6,4
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	932 cuốn	2763/36= 54 cuốn
5	Số bản sách/người học	15 cuốn	13
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	71%	80%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	186 Mbps	100 Mbps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo⁸

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	Số 02 đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, HN.	44.128,2	40.100
Tổng cộng			44.128,2	40.100

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQG TPHCM
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ KĐCL cơ sở giáo dục, Bộ GD&ĐT
- Mức độ đạt kiểm định:
 - + Đảm bảo chất lượng về chiến lược: 4,36
 - + Đảm bảo chất lượng về hệ thống: 4,21
 - + Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: 4.31
 - + Kết quả hoạt động: 4,29
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 11 tháng 10 năm 2022 đến ngày 11 tháng 10 năm 2027

TT	Số quyết định	Ngày quyết định	Tổ chức công nhận
1	40/QĐ-TTKĐ	09/9/2016	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQG TPHCM
2	117/QĐ-TTKĐ	12/10/2022	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQG TPHCM

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

Trình độ Cử nhân

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình đào tạo	Số QĐ công nhận	Tên tổ chức KĐCL	Thời gian hiệu lực	Trình độ
1	7220205	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Đức	AP508VNUHNDEC19	AUN - QA	12/01/2020 ~ 12/02/2025	Cử nhân
2	7220211	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Arap	AP561VNUHNNOV20	AUN - QA	6/12/2020 ~ 6/12/2025	Cử nhân
3	7220202	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Nga	AP794VNUFEB22	AUN - QA	25/3/2022 ~ 25/3/2027	Cử nhân
4	7220204	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	670/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	21/8/2023 ~ 21/8/2028	Cử nhân
5	7220210	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Hàn Quốc	669/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	21/8/2023 ~ 21/8/2028	Cử nhân
6	7220209	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Nhật	671/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	21/8/2023 ~ 21/8/2028	Cử nhân
7	7220203	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Pháp	672/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	21/8/2023 ~ 21/8/2028	Cử nhân
8	7140231	Sư phạm	Sư phạm tiếng Anh	19/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	04/3/2024 ~ 04/3/2029	Cử nhân
9	7140234	Sư phạm	Sư phạm tiếng Trung Quốc	15/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	04/3/2024 ~ 04/3/2029	Cử nhân
10	7140235	Sư phạm	Sư phạm tiếng Đức	18/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	04/3/2024 ~ 04/3/2029	Cử nhân
11	7140237	Sư phạm	Sư phạm tiếng Hàn Quốc	17/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	04/3/2024 ~ 04/3/2029	Cử nhân
12	7140236	Sư phạm	Sư phạm tiếng Nhật	16/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	04/3/2024 ~ 04/3/2029	Cử nhân

13	7220201	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Anh	205/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	Đã hoàn thành đánh giá ngoài ngày 23/10/2025. Kết quả: Đạt	Cử nhân
14	52140231	Sư phạm	Chất lượng cao ngành Sư phạm tiếng Anh	AP33VNUHNMAY12	AUN - QA	5/6/2012 ~ 5/6/2017	Cử nhân

Trình độ Thạc sỹ

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình đào tạo	Số QĐ công nhận	Tên tổ chức KĐCL	Thời gian hiệu lực	Trình độ
1	8140231	Sư phạm	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	101/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	24/02/2025 - 24/02/2030	Thạc sỹ
2	8220201	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Anh	206/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	Đã hoàn thành đánh giá ngoài ngày 23/10/2025. Kết quả: Đạt	Thạc sỹ
3	8220204	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ Trung Quốc	207/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	Đã hoàn thành đánh giá ngoài ngày 23/10/2025. Kết quả: Đạt	Thạc sỹ
4	8140234	Sư phạm	LL&PPDH Bộ môn tiếng Trung	208/QĐ-KĐCLV	Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh	Đã hoàn thành đánh giá ngoài ngày 23/10/2025. Kết quả: Đạt	Thạc sỹ

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo⁹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2024)
----	-----------------	--------------------	--------------------------------------

1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	110,2%	109%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	0,16	0,1
3	Tỷ lệ thôi học	1,09 %	2,3%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	0,98 %	0,36%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	74.3%	93.86%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	64%	79.8%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	93.19%	92,6%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	72,7%	72,6%
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	80,3%	38,68%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
I	Đại học				
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên				

	Chính quy	944	288	192	98,73%
	Vừa làm vừa học				
2	Kinh tế Tài chính				
	Chính quy	1474	503	292	98%
II	Thạc sĩ				
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1945	533	130	100%
III	Tiến sĩ				
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	164	46	01	100%

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁰

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2024)
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	2.42	
2	Số công bố khoa học/giảng viên	234/437	244/444

3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	52/437	42/444
---	------------------------------------	--------	--------

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	01	420,000,000
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	03	250.000.000
3	Đề tài cấp cơ sở	55	1.337.000.000
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)		
5	Đề tài hợp tác quốc tế		
	Tổng số		

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo (2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2024)
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	16	05
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	52	42

3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	12	05
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹¹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2024)
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	29,58	29.87
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	21,60	20.74

2. Kết quả thu chi hoạt động¹²

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2024)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	571.863	484.969
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	46.043	45.133
II	Thu giáo dục và đào tạo	450.465	409.861

1	Học phí, lệ phí từ người học	319.203	263.768
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	131.262	146.093
III	Thu khoa học và công nghệ	13.847	1.469
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	125	
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	162	891
3	Thu khác	13.560	578
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	61.508	28.506
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	400.459	333.850
I	Chi lương, thu nhập	152.134	147.456
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	125.121	121.738
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	27.013	25.718
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	17.866	16.751
1	Chi cho đào tạo	17.866	16.751
2	Chi cho nghiên cứu		

3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác		
III	Chi hỗ trợ người học	59.355	59.156
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	47.316	37.826
2	Chi hoạt động nghiên cứu	10.608	15.945
3	Chi hoạt động khác	1.431	5.385
IV	Chi khác	171.104	110.487
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	171.404	151.119

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC¹³

1. Về đào tạo & người học

1.1. Hoàn thiện phương thức đào tạo theo hình thức kết hợp; gia tăng số lượng các học phần đào tạo theo hình thức kết hợp bậc đại học lên 20% và sau đại học 30%;

1.2. Tổ chức đào tạo theo hình thức trực tuyến học phần tiếng Anh B1 ở ĐHQGHN;

1.3. Tiếp tục thực hiện Đề án đổi mới hoạt động giảng dạy bậc sau đại học;

1.4. Hoàn thành mở ngành học Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam (chuyên ngành Giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ) và tuyển sinh từ năm 2025;

1.5. Đổi mới toàn diện hoạt động hỗ trợ, phục vụ và quản lý người học bậc đại học và sau đại học; đảm bảo tỷ lệ giữ chân người học đạt từ 95% trở lên.

- Năm 2025, nhà trường tuyển sinh thành công các bậc học và các hệ đào tạo, cụ thể, tỉ lệ nhập học so với chỉ tiêu ở các bậc học lần lượt là: trung học cơ sở 150/150, đạt 100%; trung học phổ thông Chuyên Ngoại ngữ 622/630, đạt 98,7%; đại học chính quy 2628/2400, đạt 109,5%; liên kết quốc tế 503/300, đạt 144%; bằng kép 383/350, đạt 109,4%; thạc sĩ 650/650, đạt 100%; nghiên cứu sinh 73/75, đạt 97,3 %. Đặc biệt, năm 2025, nhà trường mở ngành Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam và tuyển sinh thành công với tỉ lệ nhập học cao, đạt 100% với 63 sinh viên nhập học/63 trúng tuyển/60 chỉ tiêu, bên cạnh đó còn có 05 sinh viên người nước ngoài nhập học ngành học mới này.

- Nhà trường tiến hành ký kết MOU với trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN để xây dựng hệ thống Canvas ULIS. Số học phần đào tạo kết hợp năm 2025 bậc đại học là 82 học phần và 77 học phần xây dựng trên hệ thống Canvas ULIS, việc áp dụng phương thức đào tạo kết hợp đã tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tiếp cận kiến thức linh hoạt, đồng thời phát huy hiệu quả của công nghệ số trong giảng dạy và học tập. Tính đến nay đã có 134 học phần bậc đại học triển khai theo hình thức đào tạo kết hợp cá thể hoá đến từng giảng viên, đạt 23% tổng số học phần trong toàn bộ các CTĐT của trường, vượt chỉ tiêu 2025. Tuy nhiên số học phần triển khai theo hình thức đào tạo kết hợp bậc đại học là 18 học phần, chưa đạt chỉ tiêu 30% đề ra.

- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Viện Đào tạo số và Khảo thí và các đơn vị trong ĐHQGHN triển khai hiệu quả 127 lớp học phần tiếng Anh B1 trên hệ thống LMS của ĐHQGHN cho 13.663 sinh viên.

- Triển khai nhiều hoạt động thiết thực dành cho sinh viên như Lễ khai giảng, Lễ trao bằng, Chương trình Chào Ngoại ngữ và Ngày hội các CLB, Ngày hội việc làm, cuộc thi Toả sáng vẻ đẹp Ngoại ngữ, các cuộc thi Tìm hiểu về pháp luật, Tài năng sư phạm, Hướng dẫn viên du lịch, Sinh viên ULIS sáng tạo cùng AI...Ban hành và chỉ đạo triển khai Đề án Đổi mới toàn diện công tác hỗ trợ người học giai đoạn 2025-2030 với nhiều hoạt động thiết thực như xây dựng chính sách đối với giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập, tư vấn hỗ trợ học tập, hỗ trợ phát triển kỹ năng mềm, tổ chức các câu lạc bộ học

thuật và hoạt động ngoại khóa phong phú, đổi mới các chương trình tập huấn phát triển năng lực cho đội ngũ lớp trưởng và cán bộ Đoàn-Hội. Tỷ lệ giữ chân sinh viên trên 95% phản ánh sự hài lòng và gắn bó của người học với Nhà trường.

- Đề án rút ngắn thời gian đào tạo bậc cử nhân đã thu hút sự đăng ký tham gia của 171 sinh viên khóa QH.2025 (trong đó có 138 sinh viên Khoa NN&VH Anh và 33 sinh viên Khoa NN&VH Trung Quốc). Đề án đang được triển khai hiệu quả, giúp sinh viên tiết kiệm thời gian và chi phí học tập, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động.

- Năm 2025, nhà trường tổ chức thành công các hội nghị, hội thảo lớn về công tác đào tạo và học sinh sinh viên như Hội nghị tổng kết Đề án Đổi mới thực hành thực tập và phát triển kỹ năng bổ trợ giai đoạn 2018-2025, Hội nghị tổng kết Đề án Đổi mới hoạt động giảng dạy tại trường ĐHNN, ĐHQGHN giai đoạn 2019-2025, Hội nghị sơ kết 1 năm đào tạo tiếng Anh B1 trên hệ thống LMS, Hội nghị chia sẻ kinh nghiệm đào tạo kết hợp cá thể hoá đến từng giảng viên, Hội nghị tập huấn lớp trưởng, Hội nghị tập huấn giáo viên chủ nhiệm.

2. Về khoa học công nghệ & hợp tác phát triển

2.1. Đổi mới cách thức tổ chức các sự kiện khoa học quốc gia và quốc tế theo hướng tăng quyền tự chủ cho các đơn vị và cộng đồng chuyên môn và tổ chức “Diễn đàn khoa học sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN lần thứ nhất”;

2.2. Xây dựng Mô hình dạy - học và sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai ở trường phổ thông (áp dụng thí điểm ở Trường THCS Ngoại ngữ);

2.3. Tiếp tục triển khai (i) Đề án kết nối học giả và nhà tuyển dụng (ULIS Hub); (ii) Kênh hỗ trợ giáo dục ngoại ngữ bậc phổ thông (ULIS Connect).

- Năm 2025, nhà trường thực hiện thành công đổi mới cách thức tổ chức các sự kiện khoa học quốc gia và quốc tế theo hướng tăng quyền tự chủ cho các đơn vị và cộng đồng chuyên môn. Năm 2025, tổ chức 19 hội thảo khoa học với các chủ đề thiết thực, xuất bản 9 quyển kỷ yếu hội thảo. Việc tổ chức các hội thảo khoa học và Festival UNiC2025 đã tạo ra môi

trường học thuật sôi động, thúc đẩy trao đổi học thuật và sáng tạo. Đặc biệt, nhà trường tổ chức thành công một số hội thảo, tọa đàm về những lĩnh vực mới như “Ngoại giao và Hợp tác quốc tế của Việt Nam trong kỷ nguyên mới”, “Giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ & văn hóa Việt Nam, Đông Nam Á và Tây Á” thu hút sự quan tâm của hàng trăm học giả trong nước và quốc tế, được giới chuyên môn đánh giá cao.

- Tổ chức thành công Hội nghị tổng kết Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của sinh viên và Diễn đàn khoa học sinh viên lần thứ nhất. Quỹ Thắp lửa Khởi nghiệp đã huy động được nguồn lực tài chính đáng kể, hỗ trợ sinh viên và cán bộ trẻ phát triển các dự án đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong Nhà trường.

- Thí điểm thành công Đề án “Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học” tại THCS UMS và THPT CNN, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy và sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong các trường phổ thông tại Việt Nam. Tổ chức Hội thảo khoa học “Chia sẻ kinh nghiệm dạy – học và sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong các trường phổ thông tại Việt Nam”; ra mắt bộ “Sổ tay xây dựng trường học ESL” và “Thuật ngữ theo môn học” do giáo viên UMS biên soạn, hỗ trợ giáo viên tổ chức hoạt động giảng dạy tích hợp nội dung – ngôn ngữ một cách khoa học và khả thi; xây dựng Câu lạc bộ các trường định hướng ESL tại Việt Nam; hỗ trợ thí điểm xây dựng mô hình trường học ESL năm học 2024-2025 tại một số địa phương như Ba Vì, Lạng Sơn.

- Việc triển khai các nền tảng ULIS Hub và ULIS Connect đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối học giả, nhà nghiên cứu và nhà tuyển dụng, góp phần nâng cao hiệu quả hợp tác và chuyển giao công nghệ. Năm 2025, có 71 lượt chuyên gia tới làm việc và giảng dạy tại trường, 10 lượt giảng viên tham gia các chương trình đào tạo, trao đổi từ 3 tháng trở lên tại nước ngoài; ký kết hợp tác với 29 đơn vị trong và ngoài nước.

- Thúc đẩy hợp tác 3 Nhà (nhà trường – nhà nước/địa phương – nhà doanh nghiệp). Triển khai các hoạt động chuyển giao tri thức, đề án nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ tại các trường THCS địa bàn huyện Ba Vì, huyện Chương

Mỹ, Thành phố Hà Nội, thí điểm triển khai các hoạt động “Từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học” một số trường tiểu học. Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực tiếng Trung, tiếng Lào cho lực lượng Công an nhân dân, Cục Đào tạo, Bộ Công an; nâng cao năng lực tiếng Anh cho cán bộ Tổng công ty quản lý bay Việt Nam; nâng cao năng lực tiếng Nga cho học viên cán bộ chiến sỹ Học viện An ninh nhân dân; tổ chức khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực khảo thí cho cán bộ giảng viên Học viện Kỹ thuật Quân sự...

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học: tổ chức khảo sát nghiên cứu thị trường giáo dục ngoại ngữ tại Việt Nam và biên soạn giáo trình tiếng Hàn Quốc ký kết với tổ chức giáo dục YOONS, Hàn Quốc, nghiên cứu phát triển làng nghề nón lá Tri Lễ, Hà Nội thuộc chương trình do Quỹ Pháp ngữ quốc tế tài trợ...

- Đăng ký sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả các sản phẩm KHCN, như: sách, từ điển...xác định sở hữu trí tuệ là khâu đột phá thúc đẩy nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Đặc biệt, năm 2025, nhà trường triển khai chỉ đạo của Đảng uỷ về việc thực hiện Chương trình hành động của Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết 71-NQ/TW tại Trường ĐHNN. Xây dựng chính sách, điều chỉnh định mức tài chính để triển khai đặt hàng 09 nhiệm vụ KHCN có tính ứng dụng cao, ban hành Danh mục các chương trình KHCN trọng điểm, ưu tiên đầu tư, giải quyết các vấn đề chiến lược của Nhà trường (ví dụ: sử dụng AI trong đánh giá kỹ năng Nói/Viết, biên soạn tài liệu tiếng Việt cho người nước ngoài). Đây cũng chính là cơ chế để hiện thực hóa chủ trương "đóng gói" các sản phẩm giáo dục chiến lược đã nêu trong công tác đào tạo, đảm bảo đầu ra của nghiên cứu gắn liền với thực tiễn.

3. Về quản trị đại học

3.1. Triển khai Đề án sắp xếp tinh gọn bộ máy trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN đảm bảo yếu tố Tinh - Gọn - Mạnh;

3.2. Tiếp tục triển khai Đề án “Xây dựng hệ thống các giải pháp giữ chân, thu hút và hỗ trợ đội ngũ giảng viên trình độ cao”;

3.3. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị đào tạo và phục vụ đào tạo đảm bảo yếu tố Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị đại học, trong đó trọng tâm là tái cấu trúc tổ chức và ứng dụng công nghệ thông tin. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Trường Đại học Ngoại ngữ đã tiên phong trong triển khai việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị trực thuộc. Sau khi tái cấu trúc, Nhà trường có 20 đơn vị, gồm 6 phòng chức năng, 11 khoa đào tạo, 2 trường trung học và 1 văn phòng Đảng - Đoàn thể. Việc thay đổi này hướng đến mục tiêu xây dựng bộ máy tổ chức tinh – gọn – mạnh – hiệu năng – hiệu lực – hiệu quả. Việc sắp xếp tinh gọn bộ máy nhằm giảm thiểu các tầng lớp trung gian, nâng cao tính linh hoạt và hiệu quả trong công tác điều hành. Hiện tại các đơn vị mới hình thành sau tái cấu trúc đang hoạt động tốt theo cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ mới. Việc giữ chân và thu hút cán bộ có trình độ cao tiếp tục được coi trọng. Năm 2025 trường tuyển mới 04 tiến sĩ, có 06 giảng viên hoàn thành nhiệm vụ học tập và được cấp bằng tiến sĩ.

Sau tái cấu trúc, BGH đã chỉ đạo các phòng chức năng hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý điều hành, đảm bảo tính pháp lý và sự đồng bộ trong toàn Trường. Tổng số rà soát, điều chỉnh hơn 70 văn bản. Việc xây dựng hệ thống MIS (Management Information System) trong lĩnh vực Hợp tác phát triển với sự hỗ trợ của đối tác quốc tế đã góp phần nâng cao khả năng quản lý dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định kịp thời, chính xác. Bên cạnh đó trường đã ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030, tổ chức tập huấn năng lực ứng dụng AI trong dạy học và quản trị đại học cho đội ngũ giảng viên và chuyên viên.

4. Về quản trị nguồn lực

4.1. Hoàn thiện Đề án tự chủ chi thường xuyên của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN áp dụng từ năm 2026; xây dựng cơ chế trả lương gắn với vị trí việc làm và hiệu suất công việc;

4.2. Cải tạo, sửa chữa nhà B3; lắp đặt thang máy nhà A2.

- Năm 2025, nhà trường xây dựng và hoàn thiện các cơ chế quản lý nguồn lực nhằm đảm bảo sự minh bạch, hiệu quả

và bền vững. Đề án tự chủ chi thường xuyên được chuẩn bị kỹ lưỡng, dự kiến áp dụng từ năm 2026, nhằm tăng cường trách nhiệm tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Trường THPT CNN được UBND và HĐND thành phố Hà Nội phê duyệt định mức học phí theo phương án tự chủ. Cơ chế trả lương mới được xây dựng dựa trên vị trí việc làm và hiệu suất công việc nhằm góp phần khuyến khích sự nỗ lực và sáng tạo của cán bộ, giảng viên.

- Các dự án cải tạo cơ sở vật chất như nhà B3, thang máy nhà A2, cải tạo trường THPT Chuyên Ngoại ngữ được triển khai đúng kế hoạch nhằm nâng cao điều kiện làm việc và học tập, đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường.

5. Về quản trị chất lượng

5.1. Giám sát, đề xuất cải tiến chất lượng, bảo đảm đạt được tất cả tiêu chuẩn, tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học;

5.2. Hoàn thành Kiểm định chất lượng 01 CTĐT đại học: Ngôn ngữ Anh; 03 CTĐT sau đại học: Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh, Thạc sĩ Ngôn ngữ Trung Quốc và Thạc sĩ Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn tiếng Trung Quốc;

5.3. Đảm bảo chất lượng các bài thi VSTEP; VNU-TEST và hợp phần tiếng Anh của bài thi đánh giá năng lực HSA của ĐHQGHN.

- Năm 2025, các hoạt động quản trị chất lượng được triển khai một cách bài bản và hiệu quả; hoàn thành kiểm định chất lượng 01 CTĐT đại học và 03 CTĐT SDH với kết quả tốt. Việc hoàn thành kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo góp phần nâng cao uy tín và chất lượng đào tạo của Nhà trường.

- Việc tổ chức các kỳ thi VSTEP, VNU-TEST được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo công bằng, minh bạch và chất lượng, góp phần nâng cao uy tín của Nhà trường trong công tác khảo thí. Năm 2025, tổng số thí sinh tham dự thi VNU TEST là 5932 thí sinh, tăng 3% so với mức 5747 thí sinh của năm 2024. Kỳ thi VSTEP tính đến tháng 10/2025 có 1014 thí sinh dự thi.

- Xây dựng cấu trúc định dạng và ngân hàng đề thi Tiếng Anh trong bài thi Đánh giá năng lực của ĐHQGHN (HSA) và phối hợp với Viện Đào tạo số và Khảo thí tổ chức thành công các đợt thi HSA năm 2025.

- Triển khai các giải pháp phù hợp để thích ứng với những chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo liên quan tới công tác tuyển sinh THCS và THPT CNN. Cụ thể trường đã xây dựng và triển khai Bài thi đánh giá năng lực học sinh tiểu học PSA tổ chức thi trên máy tính, xây dựng cấu trúc định dạng bài thi tuyển sinh lớp 10 THPT CNN và tổ chức thành công kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm 2025.

6. Về công tác Đảng và đoàn thể

6.1. Tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030; xây dựng Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết Đại hội;

6.2. Phát huy tốt cơ chế phối hợp giữa Đảng ủy - Hội đồng trường – Ban Giám hiệu trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo toàn diện nhà trường;

6.3. Đổi mới hoạt động các đoàn thể, tạo sự gắn kết và nâng cao hiệu quả các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu giáo chức và Mạng lưới cựu HSSV.

- Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Đảng và đoàn thể trong Nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng và phong trào thi đua. Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030 được tổ chức thành công, tạo bước đệm quan trọng cho nhiệm kỳ mới với nhiều mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm. Sau Đại hội, Đảng ủy, BGH đã chỉ đạo xây dựng 16 Đề án, Kế hoạch triển khai Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ 2025-2030.

- Đảng ủy, Hội đồng trường và Ban Giám hiệu Trường ĐHNH đã triển khai tốt phương thức phối hợp nhằm đảm bảo tốt vai trò lãnh đạo của Đảng ủy trong việc xác định phương hướng, chủ trương, đường lối, kiểm tra, đánh giá; chỉ đạo, quản trị và giám sát của Hội đồng trường và quản lý, tổ chức thực hiện, thanh tra của Ban Giám hiệu. Đồng chí Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường và Hiệu trưởng thường xuyên trao đổi, thống nhất những nội dung sẽ triển khai về: (i) chủ trương

của Đảng, Nhà nước; (ii) chiến lược, quy hoạch, kế hoạch hằng năm; (iii) chương trình, dự án, đề án; (iv) tổ chức bộ máy và nhân sự lãnh đạo, quản lý; (v) phân bổ ngân sách và các nguồn lực khác; (vi) kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát hằng năm; (vii) hợp tác quan trọng trong nước và quốc tế; (viii) những vấn đề phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực.

- Các hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên được đổi mới, đa dạng hóa hình thức và nội dung, thu hút sự tham gia tích cực của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

- Tổ chức thành công Đại hội Công đoàn trường nhiệm kỳ 2025-2028, Đại hội Đoàn thanh niên nhiệm kỳ 2025-2028, Đại hội Hội sinh viên nhiệm kỳ 2025-2028.

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Long

¹ Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Quy định này.

² Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 2 (Giảng viên) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

³ Ghi cụ thể năm báo cáo (Ví dụ: 2025, 2026...)

⁴ Ghi năm trước liền kề năm báo cáo (Ví dụ: 2024, 2025...)

⁵ Các số liệu thống kê bảo đảm thống nhất với quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT

⁶ Chỉ tính số cán bộ quản lý và nhân viên các đơn vị hành chính phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ hỗ trợ cán bộ và sinh viên; không tính các đơn vị sản xuất, kinh doanh và dịch vụ hạch toán riêng.

⁷ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 3 (Cơ sở vật chất) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

⁸ Diện tích đất và diện tích sàn được xác định theo quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

⁹ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 5 (Tuyển sinh và đào tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

¹⁰ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 6 (Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

¹¹ Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 4 (Tài chính) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT.

¹² Thống nhất với số liệu trong Biểu mẫu số liệu báo cáo thực hiện Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; không bao gồm kinh phí đầu tư.

¹³ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của nhà trường.